B14

12:12

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U-14 | Round 8 | Board 1 | Date 29-8-2026

WHITE: Theodore, Kurniawan | FED INA | RESULT (W) 0

BLACK: Feng, Yusheng | FED CHN | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	g4	Bxa2	41			61		
2	c4	g6	22	Rb2	Be6	42			62		
3	Nf3	Bg7	23	h3	Rac8	43			63		
4	Nc3	d5	24	Rxc8	Rxc8	44			64		
5	cxd5	Nxd5	25	Bd4	Bc4	45			65		
6	e4	Nxc3	26	Bxc4	Nxc4	46			66		
7	bxc3	c5	27	Rc2	a5	47			67		
8	Be3	Qa5	28	Kd3	h4	48			68		
9	Bd2	Nc6	29	f4	Kf8	49			69		
10	Rb1 (1:17)	cxd4	30	f5	Ke7	50			70		
11	cxd4	Qxd2+	31	Bc3	Kd7	51			71		
12	Kxd2	O-O	32	Bf6	Rc6	52			72		
13	d5 (1:14)	Rd8	33	g5	gxf5	53			73		
14	Bd3 (1:13)	Na5	34	Kd4	Nd6	54			74		
15	Ke2 (1:01)	b6	35	Re2	Ne4	55			75		
16	Rhd1 (45)	e6	36			56			76		
17	Nd4 (38)	exd5	37			57			77		
18	exd5	Bxd4	38			58			78		
19	Bxd4	Bb7	39			59			79		
20	Be3 (19)	Bxd5	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

12:12

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B14 | Round 8 | Board 1 | Date 2026.8.28

WHITE | FED | RESULT (W) 0

BLACK | FED | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	g4	Bxa2	41			61		
2	c4	g6	22	Rb2	Be6	42			62		
3	Nf3	Bg7	23	h3	Rac8	43			63		
4	Nc3	d5	24	Rxc8	Rxc8	44			64		
5	cd	Nxd5	25	Bd4	Bc4	45			65		
6	e4	Nxc3	26	Bxc4	Nxc4	46			66		
7	bc	c5	27	Kc2	a5	47			67		
8	Be3	Qa5	28	Kd3	d5	48			68		
9	Qd2	Nb6	29	f4	Kf8	49			69		
10	Rb1	cd	30	f5	Ke7	50			70		
11	cd	Qxd2+	31	Bc3	Kd7	51			71		
12	Kxd2	0-0	32	Bf6	Rc6	52			72		
13	d5	Rd8	33	g5	gf	53			73		
14	Bd3	Na5	34	Kd4	Nd6	54			74		
15	Ke2	b6	35	Re2	Ne4	55			75		
16	Rhd1	e6	36			56			76		
17	Nd4	ed	37			57			77		
18	ed	Bxd6	38			58			78		
19	Bxd4	Bb7	39			59			79		
20	Be3	Bxd5	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

13:19

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: U14 | Round: 8 | Date: 8/12/2026 | Board: 2

WHITE: Lee, Jiwoo | FED: KOR | RESULT (W): 0

BLACK: Ring Xyan Beltran | FED: PHI | RESULT (B): 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	a6	c4	41	fxg6	fxg6	61	Ke3	g5
2	Nf3	e6	22	Bc2	Rxc6	42	Qe3	Qe5	62	Qh2	Qe6+
3	d4	cxd4	23	a4	Rfa8	43	Rb2	Rxa4	63	Kd3	Bd7
4	Nxd4	Nf6	24	Nd4	g6	44	Rxa4	Bxa4	64	c4	Qf5+
5	Nc3	Nc6	25	Qd1	Qf4	45	Rb4	Bd7	65	Ke3	Qe6
6	Be3	Bb4	26	Ra2	Ra5	46	Rxe4	Ra8	66	Kd2	Qe7
7	Nxc6	bxc6	27	Ne2	Qg5	47	Qe1	Ra2	67	Re5	Qb4+
8	Bd3	d5	28	Ng3	h5	48	Nf3	Rxg2,	68	Kd3	Qb3+
9	exd5	exd5	29	Kh1	Qh4	49	Kxg2	exf3+	69	Kd4	Qh5+
10	a3	Bd6	30	Qf3	Qg5	50	Kf2	Qh2+	70	Kd3	Qg6+
11	h3	O-O	31	Rd1	Qe5	51	Ke3	Qxh3	71	Kd2	Be6
12	O-O	Qc7	32	Kg1	Kg7	52	Rd4	Bc6	72	Qc7	Kh6
13	Qf3	Rb8	33	Ne2	R8a6	53	Qf2	Qe6+	73	Rd8	Qf6
14	Bd4	Be5	34	Nd4	Qc7	54	Kd2	Qa2+	74	Qb8	f2
15	Bxe5	Qxe5	35	Rda1	Qa7	55	Ke3	Qa1	75	Rh8+	Kg7
16	Rfe1	Qd6	36	Qe3	Qc5	56	Rc4	Qc1+	76	Rxf8	Qd4+
17	b4	Bd7	37	f4	Ra8	57	Kd4	Qd1+	77	Kc2	Qf5+
18	Ne2	a5	38	f5	Re8	58	Kc3	Qd5	78	Kb3	Qd4
19	c3	c5	39	Qg3	Ne4	59	Rd4	Qg5+	79	Ka2	Qb1+
20	bxa5	Ra8	40	Bxe4	dxe4	60	Kd3	Qf5+	80	Qxb1	Bxb1+

SIGNATURE (WHITE): Lee

SIGNATURE (BLACK):

SIGNATURE (ARBITER):

13:19

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: U14 | Round: 8 | Date: 8/12/2026 | Board: 2

WHITE: Lee Jiwoo | FED: KOR | RESULT (W): 0

BLACK: Ring Xyan Beltran | FED: PHI | RESULT (B): 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kb2	f1=Q	21			41			61		
2	Rxg5+	Kf6	22			42			62		
3	Rh5	Bd3	23			43			63		
4	Rb3	Bxc4	24			44			64		
5	Rc3	Ke5	25			45			65		
6	Rc2	Kd4	26			46			66		
7	Ra2+	Bd3	27			47			67		
8	Ka3	Kc3	28			48			68		
9			29			49			69		
10			30			50			70		
11			31			51			71		
12			32			52			72		
13			33			53			73		
14			34			54			74		
15			35			55			75		
16			36			56			76		
17			37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		

SIGNATURE (WHITE): Lee

SIGNATURE (BLACK):

SIGNATURE (ARBITER):

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

13:19

Group U14 | Round 8 | Date 8/28 | Board 2

WHITE	Lee Jiwoo	FED	KOR	RESULT (W)	1
BLACK	Beltan king Xyan	FED	PHI	RESULT (B)	0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	a6	cxd4	41	fxg6	fxg6	61	Ke3	g5
2	Nf3	e6	22	Bc2	Rxd6	42	Qe3	Qe5	62	Qh2	Qe6
3	d4	cxd4	23	a4	Ra8	43	Rb2	Rxa4	63	Kd3	Bd7
4	Nxd4	Nf6	24	Nd4	g6	44	Rxa4	Bxa4	64	c4	Qf5+
5	Nc3	Nc6	25	Qd1	Qa4	45	Kb4	Bd7	65	Ke3	Qe8+
6	Be3	Bb4	26	Ra2	Ra5	46	Rxc4	Ra8	66	Kd2	Qe7
7	Nxc6	bxc6	27	Ne2	Qb5	47	Qe1	Ra2	67	Kb5	Qb4+
8	Bd3	d5	28	Ng3	h5	48	Nf3	Rxg2+	68	Kd3	Qb3+
9	Qd5	exd5	29	Kd1	Qh4	49	Kxg2	Qxe1+	69	Kd4	Qb6+
10	a3	Bd6	30	Qf3	Qg5	50	Ke2	Qh2+	70	Kd3	Qg6+
11	h3	0-0	31	Rd1	Qe5	51	Ke3	Qxh3	71	Kd2	Be6
12	0-0	Qc7	32	Kg1	Kg7	52	Rd4	Rc6	72	Qc7+	Kh6
13	Qf3	Rb8	33	Ne2	Rad6	53	Qf2	Qe6+	73	Rd8	Qf6
14	Bd4	Be5	34	Nf4	Qc7	54	Ked3	Qh2	74	Qb3	f2
15	Bxe5	Qxe5	35	Ra1	Qh7	55	Ke3	Qa1	75	Rh8+	Kg7
16	Re1	Qd6	36	Qe3	Qc5	56	Rc4	Qc1+	76	Rxh5	Qd1+
17	b4	Bd7	37	f4	Ra5	57	Kd4	Qd1+	77	Qe2	Bf5+
18	Nc2	Qb5	38	f5	Re8	58	Ke3	Qc5	78	Kb3	Qd1+
19	c3	c5	39	Qg3	Ne4	59	Rd4	Rg5+	79	Ka2	Qb1+
20	bxa5	Rb8	40	Bxe4 dxe4		60	Kc3	Qf5	80	Qxb1	Bxb1

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

13:19

Group U14 | Round 8 | Date 8/28 | Board 2

WHITE	Lee Jiwoo	FED	KOR	RESULT (W)	0
BLACK	King Xyan	FED	PHI	RESULT (B)	1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kb2	c1Q	21			41			61		
2	Rxg5	Kf6	22			42			62		
3	Rb5	[illegible]	23			43			63		
4	Kb3	Bxc4	24			44			64		
5	Rc3	Ke5	25			45			65		
6	Rc2	Kd4	26			46			66		
7	Kb2+	Bd3	27			47			67		
8	Ka3	Rc3	28			48			68		
9			29			49			69		
10			30			50			70		
11			31			51			71		
12			32			52			72		
13			33			53			73		
14			34			54			74		
15			35			55			75		
16			36			56			76		
17			37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: B14 | Round: 8 | Date: 2026.8.28 | Board: 3

WHITE	LV, Ruiqi	FED	CHN	RESULT (W)	0
BLACK	Zhu, Jingyu	FED	CHN	RESULT (B)	1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4 90	e5 90	21	Ne2 25	Qh6 39	41	Rf1 1	Qe1 13	61	1-0	0-1
2	g3 91	d4 91	22	d4 18	e4 33	42	Re1 1	Qa3 13	62	1-0	Qh5 18
3	Bg2 91	f5 91	23	d5 15	Ne5 27	43	Qe2 2	d4 13	63	1-0	Qe5 18
4	Nc3 90	Be7 92	24	dc 15	Bc6 27	44	Rf1 1	d3 13	64		
5	d3 91	Nf6 92	25	Nb3 13	Bg4 23	45	Qh5 1	Qe3 13	65		
6	Nf3 89	a6 92	26	Bf6 13	gf6 23	46	Bf3 1	c2 13	66		
7	a6 90	a5 93	27	Rd5 13	Kh8 23	47	Be2 1	de 13	67		
8	a3 86	Qe8 93	28	Nd4 9	Bd7 19	48	Qe2 1	Qa8 14	68		
9	b3 82	Qh5 92	29	Rf6 8	Re2 17	49	Rf3 2	Re8 14	69		
10	e3 78	c6 89	30	Nc3 7	Rd2 17	50	Kg1 2	Rc1 14	70		
11	Rb1 75	Nd6 89	31	Nb1 5	Re8 17	51	Kf2 2	Re5 15	71		
12	b4 73	ab 86	32	Re1 5	Be6 16	52	Kg3 15	Re8 15	72		
13	ab 73	Nc7 86	33	Qc6 10	Bc4 15	53	Kf3 3	Rf3 15	73		
14	b5 67	Ne6 83	34	Kh1 2	Rd4 15	54	Qe5 3	Qe8 15	74		
15	bc 47	bc 83	35	ed 0.5	Qd6 13	55	Kg2 3	Rf2	75		
16	Nd5 46	Qe8 78	36	Na3 1	Nd3 15	56	Kh3	f4	76		
17	Bb2 39	Bd7 76	37	Rg1 1	Nf2 14	57	g4	Rf3	77		
18	Rg1 37	Re8 62	38	Nf2 1	ab 14	58	Kh4 5	Bf2	78		
19	Rc1 35	Ra7 60	39	Rg1 1	Be2 14	59	Kh5 3	Rh3	79		
20	Rd1 29	Qf8 41	40	Rc2 1	d5 13	60	Kg5 6	h6	80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: B14 | Round: 8 | Date: 2026/8/28 | Board: 3

WHITE	LvRuiqi	FED	CHN	RESULT (W)	0
BLACK	ZhuJingyu	FED	CHN	RESULT (B)	1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e5	21	Ne2	Qh6	41	Rf1	Qe3	61	Kg2	Nh4
2	g3	d6	22	d4	e4	42	Re1	Qxa3	62	Kg6	Qxg4+
3	Bg2	f5	23	d5	Nc5	43	Qxe2	d4	63	Kf7	Qh5+
4	Nc3	Be7	24	dc	Bxc6	44	Rf1	d3	64	Ke6	Qxe5
5	d3	Nf6	25	Nb3	Be4	45	Qh5	Bxe5	65		
6	Nf3	0-0	26	Bxf6	Qxf6	46	Bf3	c2	66		
7	0-0	a5	27	Qd5+	Kh8	47	Bxe2	de	67		
8	a3	Qe8	28	Nd4	Bd7	48	Qxe2	Qa5+	68		
9	b3	Qh5	29	Rb1	Ra7	49	Rf3	Re4	69		
10	e3	c6	30	Nc3	Rd2	50	Kg1	Rc1+	70		
11	Kd1	Na6	31	Nb1	Rd3	51	Kf2	Bc5+	71		
12	b4	ab	32	Re1	Be6	52	Kg2	Rc3	72		
13	ab	Nc7	33	Qc6	Bxc4	53	Kh3	Rxh3	73		
14	b5	Ne6	34	Kh1	Rxb4	54	Qe5	Qc5	74		
15	bc	bc	35	ed	Qxd4	55	Kg2	Rf2+	75		
16	Nd2	Qe8	36	Na3	Nd3	56	Kh3	f4+	76		
17	Bb2	Bd7	37	Rf1	Nxf2+	57	g4	Rf3+	77		
18	Ba1	Ra3	38	Rxf2	Qxf2	58	Kh4	Bf2+	78		
19	Qc1	Ra1	39	Kb1	Be2	59	Kh5	Rh3+	79		
20	Qd1	Qd6	40	Qc2	d5	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

9:15:30

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: B14
Round: 8
Date: 2026.8.28
Board: 4

WHITE	Gun-Erdem Damba	FED		RESULT (W)	1
BLACK	Li Xiaoyao	FED		RESULT (B)	0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4		21			41			61		
2			22			42			62		
3			23			43			63		
4			24			44			64		
5			25			45			65		
6			26			46			66		
7			27			47			67		
8			28			48			68		
9			29			49			69		
10			30			50			70		
11			31			51			71		
12			32			52			72		
13			33			53			73		
14			34			54			74		
15			35			55			75		
16			36			56			76		
17			37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
Gun-Erdem		

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: U14 | Round: 8 | Board: 5 | Date: 2026.8.29

WHITE: Song, Jihu | FED: KOR | RESULT (W): 0
BLACK: Rajendran, Kartikeyan | FED: MAS | RESULT (B): 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4.	e5.	21	Rd4.	Nf6.	41	f4.	b5.	61		
2	Nf3	Nc6	22	b4.	Nxb4.	42	a5	gxf4.	62		
3	Nc3	Nf6.	23	Rexd4	Nc6.	43	h4.	f5.	63		
4	Nd5.	d6.	24	Rd8.	Bf5.	44	Kc1	f2	64		
5	d4.	Bg4.	25	g6.	Be7.	45	Bf5.	p2+.	65		
6	c3.	exd4.	26	Kc8.	Rxd8+	46	Kb1	Nf3	66		
7	cxd4.	Bxf3.	27	Rxd8	Rxd8+	47	Kc2.	Nd2	67		
8	gxf3.	Nxd5	28	Kxd8.	Ke7.	48	Be4+	f1=Q	68		
9	exd5	Ne7	29	f5.	g5.	49	h5.		69		
10	Bb5+	c6	30	f6+.	Kxf6.	50			70		
11	Bc4.	0-0-0.	31	Bxd7	Ke5.	51			71		
12	0-0		32	Ke2	Kf4	52			72		
13		Nxe5.	33	Be3	Ke5.	53			73		
14	Bxe7	Qxd4+.	34	f3.	Nd7.	54			74		
15	Bg5	Qxd1.	35	Rd5	a5.	55			75		
16	Rxd1	Be7	36	h3.	b4.	56			76		
17	Be6+	Kb8	37	Kf2.	a4.	57			77		
18	Bxe7	Nxe7	38	Ke1	Kb3.	58			78		
19	Rd2.	d5.	39	Kd1	Kb3.	59			79		
20	Re1.	d4.	40	Bc4.	Ka3.	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: B14 | Round: 8 | Board: 5 | Date: 28/8/26

WHITE: Song, Jihu | FED: KOR | RESULT (W): 0
BLACK: Rajendran, Kartikeyan | FED: MAS | RESULT (B): 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Re4	Nf6	41	Bc4+	Kc3	61		
2	Nf3	Nc6	22	b4	Nxb4	42	f4	b5	62		
3	Nc3	Nf6	23	Rexd4	Nc6	43	a3	gxf4	63		
4	Nd5	d6	24	Rd7	Rhe8	44	h4	f5	64		
5	d4	Bg5	25	Bf1	g6	45	Ke1	a2	65		
6	c3	exd4	26	Be4	Kc8	46	Bg2	b2+	66		
7	cxd4	Bxf3	27	Rxd8+	Rxd8	47	Kb1	Ng5	67		
8	gxf3	Nxd5	28	Exd8+	Kxd8	48	Ka2	Nd2	68		
9	exd5	Ne7	29	f4	Ke7	49	Be4	f1=Q	69		
10	Bb5+	c6	30	f5	g5	50	h5	Qc4#	70		
11	Bc4	Qb6	31	Kb1	Kxf6	51			71		
12	0-0	0-0-0	32	Bxd7	Kc5	52			72		
13	dxc6	Nxc6	33	Kg2	Kf4	53			73		
14	Bxf7	Qxd4	34	Bg8	b5	54			74		
15	Bg5	Qxd1	35	f3	Nd4	55			75		
16	Rxd1	Be7	36	Bd5	a4	56			76		
17	Be6+	Kb8	37	h3	b4	57			77		
18	Bxe7	Nxe7	38	Kf2	a4	58			78		
19	Rd2	d5	39	Ke1	Ke3	59			79		
20	Re1	d4	40	Kd1	Kd3	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B14

12:28

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U14 | Round 8 | Board 6 | Date 2026/1/28

WHITE: Erdenebaatar, Galbaatar | FED MGL | RESULT(W) 0
BLACK: Lee, Joowon | FED KOR | RESULT(B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bxf6	Qxf6	41	Rc8	Rd7	61		
2	c4	e6	22	Kf1	Bxd4	42	Rd8	Qc4+	62		
3	Nf3	bb4	23	Nb5	Be3	43	Ke1	c2	63		
4	e3	c5	24	Rc3	Bd2	44	Se1+	Kf5	64		
5	Bd2	Nc6	25	Rd3	Bxe1	45	Ke1+	Ke4	65		
6	Nf3	cxd4	26	Qxe1	d5	46			66		
7	Nxd4	Nxd4	27	Rd4	Qe3	47			67		
8	exd4	0-0	28	a4	e5	48			68		
9	a3	Be7	29	Rd3	Qc1+	49			69		
10	Bd3	b6	30	Rd1	Rxc4	50			70		
11	0-0	bb7	31	Qe1	Qe3	51			71		
12	b4	d6	32	Nc6	Be4	52			72		
13	Bf4	Re8	33	Bxc4	dxc4	53			73		
14	Re1	Rc8	34	b5	Rd7	54			74		
15	Rc1	Bf8	35	Nb4	Rxb7	55			75		
16	h3	g6	36	Rd8	Kf4	56			76		
17	a4	Nh5	37	Qb4	Kf6	57			77		
18	Bh2	Bg7	38	Qe8+	Kg5	58			78		
19	Be2	Qg5	39	Kf2	Qh4+	59			79		
20	f3	Nf4	40	Kf1	c3	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

12:28

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B14 | Round 8 | Board 6 | Date 1/28

WHITE: Erdenebaatar, Galbaatar | FED MGL | RESULT(W) 0
BLACK: Lee, Joowon | FED KOR | RESULT(B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bf4	Qf4	41	Re8	Rd7	61		
2	c4	e6	22	Kf1	Be4	42	Rd8	Qe7	62		
3	Nc3	Bb4	23	Nb5	Be3	43	Kf1	c2	63		
4	e3	c5	24	Rc3	Bd2	44	g4	Nf5	64		
5	Bd2	Nc6	25	Rd3	Be1	45	g4	Ke4	65		
6	Nf3	c4	26	Be1	d5	46			66		
7	Nb4	Nb4	27	Rd4	Qe3	47			67		
8	c4	0-0	28	Qh4	e5	48			68		
9	a3	Be7	29	Rd5	Qe1	49			69		
10	Bd3	b6	30	Rd1	Re4	50			70		
11	0-0	Bb7	31	Qe1	Qf4	51			71		
12	b4	dc	32	Nc6	Re7	52			72		
13	Bf4	Re8	33	Bc4	dc	53			73		
14	Re1	Rc8	34	b5	Rd7	54			74		
15	a5	Bf8	35	Nb4	Re7	55			75		
16	h3	Kf8	36	a5	Kf7	56			76		
17	a4	Nh5	37	Bf4	Kf6	57			77		
18	Bf2	Qf7	38	Qf8	Kg5	58			78		
19	Be2	Qg5	39	Kf2	Qh4	59			79		
20	f3	Nf4	40	Kf1	c3	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

13:05

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B14 | Round 8 | Date 2026,8,28 | Board 7

WHITE Lin, Jhen-Jie | FED TPE | RESULT (W) ½
BLACK Fang, Yuexiang | FED CHN | RESULT (B) ½

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	~~Qd7~~	~~cxBb8~~	41	Qg6+	Qxg6	61	Ne5+	Kf4
2	Nf3	Nf6	22	~~Bb8~~ Bxh3	Nf5	42	Nxg6	Bc3	62	Nc6	Ke3
3	e3	e6	23	Rf3	g6	43	Rd1	Rxe6	63	Kc4	Ke4
4	Bd3	c5	24	Bg4	Ne3	44	Nf4	Rh6	64	Nxa7	Ke5
5	b3	b6	25	Rxe3	fxe3	45	Rxd5	g3	65	Nc8	Bg1
6	Bb2	Bb7	26	Qxe3	Bf4	46	Rg5+	Kf4	66	Ne7	Kd6
7	0-0	Bd6	27	Qe2	Ra8	47	Rxg3	Rd6	67	Nf5+	Ke5
8	Nbd2	0-0	28	Nf3	Bc8	48	Nd3	Rc6	68	Ng3	Bf2
9	Ne5	Nc6	29	Re1	Qh7	49	Rf3+	Kg7	69	Ne2	Be3
10	a3	Ne7	30	b4	g5	50	g4	Bf6	70	Kd3	Bf2
11	f4	Ne4	31	c6	e5	51	Kg2	Rc3	71	Nc3	Bg1
12	Qe2	f6	32	dxe5	Rxc6	52	Nf4	Rc2+	72	Kc4	Bf2
13	Ng4	Qc7	33	Bxf8	Rfxf8	53	Rf2	Rxf2+	73	Ne2	Be3
14	Rad1	Rac8	34	e6	Rc2	54	~~Kxf2~~	Be5	74	Nc3	Bg1
15	c4	cxd4	35	Qa6	Re8	55	Nd3	Bxh2	75	Nd1	Bd4
16	exd4	h5	36	Qb5	Qe7	56	b5	Bd6	76	Nc3	Bg1
17	Ne5	fxe5	37	Bf6	Qf8	57	a4	Kf6	77	Nh2	Bf2
18	Bxe4	exf4	38	Qd3	Qxf6 =?	58	Ke3	Kg5	78	Nb4	Bg1
19	Bf3	Rfe8	39	Qxc2	Qg4	59	Ke4	Kxg4	79	Nd5	Bf2
20	Kh1	Qd7	40	Nh4	Be5 =?	60	Kd5	Bh2	80	Ne7	Bg1

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

13:05

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B14 | Round 8 | Date 2026,8,28 | Board 7

WHITE Lin, Jhen-Jie | FED TPE | RESULT (W) ½
BLACK Fang, Yuexiang | FED CHN | RESULT (B) ½

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nc8	Bf2	21			41			61		
2	Na7	Bg1	22			42			62		
3	Nc6+	Ke4	23			43			63		
4	Ne7	Ke5	24			44			64		
5	Nc6+	Ke4	25			45			65		
6	Na7	Ke5	26			46			66		
7	Nc8	Bf2	27			47			67		
8	Kb4	B c5	28			48			68		
9	Kc4	Bg1	29			49			69		
10	Na7	Bf2	30			50			70		
11	Nc6+	Ke4	31			51			71		
12	Nb4	Bg1	32			52			72		
13	Nd3	Be3	33			53			73		
14	g5	bxg5	34 ✓			54			74		
15	Nc5+	Ke5	35			55			75		
16	b6	Kd6	36			56			76		
17	Nb7+	Kc6	37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

13:05

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B-14 | Round 8 | Date 8.28 | Board 7

WHITE Lin, Jhen-Jie | FED TPE | RESULT (W) 1/2

BLACK Fang yue xiang | FED CHN | RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	c5	Bb8	41	Qg6	Qg6	61	Ne5	Kf4
2	Nf3	Nf6	22	Bh5	Nf5	42	Ng6	Bc3	62	Nc6	Kd3
3	e3	e6	23	Rf3	g6	43	Rd1	Re6	63	Kc4	Ke4
4	Bd3	c5	24	Bg4	Ne3	44	Nf4	Rh6	64	Na7	Ke5
5	b3	b6	25	Re3	fe	45	Rd5	g3	65	Nc8	Bg1
6	Bb2	Bb7	26	Qe3	Bf4	46	Rg5	Kf7	66	Ne7	Kd6
7	0-0	Bd6	27	Qe2	Rf8	47	Rg3	Rg6	67	Nf5	Ke5
8	Nbd2	0-0	28	Nf3	Bc8	48	Nd3	Rc6	68	Ng3	Bf2
9	Ne5	Nc6	29	Re1	Qh7	49	Rf3	Kg7	69	Ne2	Be3
10	a3	Ne7	30	b4	g5	50	g4	Bf6	70	Kc3	Bf2
11	f4	Ne4	31	c6	e6g5	51	Kg2	Rc3	71	Nc3	Bg1
12	Qe2	f6	32	d6	Rc6	52	Nf4	Rc2	72	Kc4	Bf2
13	Ng4	Qc7	33	Bc8	Rc8	53	Rf2	Rf2	73	Ne2	Be3
14	Rad1	Rac8	34	e6	Rc2	54	Kf2	Be5	74	Nc3	Bg1
15	c4	cd	35	Qa6	Re8	55	Nd3	Bh2	75	Nd1	Bd4
16	ed	h5	36	Qb5	Qe7	56	b5	Bd3	76	Nc3	Bg1
17	Ne5	fe	37	Bf6	Qf8	57	a4	Kf6	77	Na2	Bf2
18	Bf4	ef	38	Qd3	Qf6	58	Ke3	Kg5	78	Nb4	Bg1
19	Bf3	Rf6	39	Qc2	g4	59	Ke4	Kg4	79	Nd5	Bf2
20	Kh1	Qd7	40	Nh4	Be5	60	Kd5	Bh2	80	Ne7	Bg1

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) 方越翔 | SIGNATURE (ARBITER)

13:05

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B-14 | Round 8 | Date 8.28 | Board 7

WHITE Lin, Jhen-Jie | FED TPE | RESULT (W) 1/2

BLACK Fang yue xiang | FED CHN | RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
81	Nc8	Bf2	21			41			61		
82	Ng7	Bg1	22			42			62		
83	Nc6	Ke4	23			43			63		
84	Ne7	Kd5	24			44			64		
85	Nc6	Kc4	25			45			65		
86	Na7	Kd5	26			46			66		
87	Nc8	Bf2	27			47			67		
88	Kb4	Be5	28			48			68		
89	Kc4	Bg1	29			49			69		
90	Na7	Bf2	30			50			70		
91	Nc6	Kc4	31			51			71		
92	Nb4	Bg1	32			52			72		
93	Nd3	Be3	33			53			73		
94	a5	ba	34			54			74		
95	Nc5	Ke5	35			55			75		
96	b6	Kd6	36			56			76		
97	Nb7	Kc6	37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) 方越翔 | SIGNATURE (ARBITER)

13:01

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B14 | Round 8 | Date 8/28 | Board 8

WHITE Lee Gyuyeon | FED KOR | RESULT (W) 1
BLACK Xia Peicheng | FED CHN | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Qf2	Rh8	41	c3	Kc8	61	Bxe5	Kc6
2	d4	d5	22	Rd3	Nf5	42	Bc5	d4	62	Bd6	h4
3	e5	c5	23	Ne2	Kd7	43	Bxd4	Qg2	63	Kc3	f4
4	Nc3	cxd4	24	Rc3	Qb8	44	Qxg2	Bxg2	64	Kd4	f3
5	Qxd4	e6	25	Bc5	Rc8	45	c4	bxc4	65	Ke3	h3
6	Bd3	Nc6	26	Nd4	Nxd4	46	bxc4	Bf3	66	g7	h2
7	Qf4	Qc7	27	Qxd4	Rc6	47	Kc3	Kb7	67	Bxh2	
8	Nc3	a6	28	Bd6	Qc8	48	Kb4	Kc6	68		
9	a3	Nge7	29	Rxc6	Bxc6	49	Bc5	Be4	69		
10	Be3	Ng6	30	Qb4	Bb7	50	Bd6	Bf3	70		
11	Bxg6	hxg6	31	Bf8	Qe8	51	Ka5	Kb7	71		
12	h4	Be7	32	Bxg7	Kc8	52	c5	Be4	72		
13	O-O-O	b5	33	Bf8	Qc6	53	Bf8	Bd3	73		
14	Ng5	Nd8	34	b3	Qb7	54	Be7	Be2	74		
15	Rh3	Bxg5	35	Bd6	Qc6	55	h5	gxh5	75		
16	hxg5	Rxh3	36	Qd4	Bag	56	f5	exf5	76		
17	gxh3	Nc6	37	Qa7	Qb7	57	e6	fxe6	77		
18	Bd4	Bb7	38	Qf2	Qd7	58	g6	e5	78		
19	Qh4	O-O-O	39	h4	Qc6	59	Kb4	Bf3	79		
20	f4	Ne7	40	Kb2	Kd8	60	Bf6	Bd5	80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) Xia Peicheng | SIGNATURE (ARBITER)

13:01

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B14 | Round 8 | Date 2026.8.28 | Board 8

WHITE Lee Gyuyeon | FED KOR | RESULT (W) 0.5
BLACK Xia Peicheng | FED CHN | RESULT (B) 0.5

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Qf2	Rh8	41	c3	Kc8	61	Bxe5	Kc6
2	d4	d5	22	Rd3	Nf5	42	Bc5	d4	62	Bd6	h4
3	e5	c5	23	Ne2	Kd7	43	Bxd4	Qg2	63	Kc3	f4
4	Nc3	cxd4	24	Rc3	Qb8	44	Qxg2	Bxg2	64	Kd4	f3
5	Qxd4	e6	25	Bc5	Rc8	45	c4	bxc4	65	Ke3	h3
6	Bd3	Nc6	26	Nd4	Nxd4	46	bxc4	Bf3	66	g7	h2
7	Qf4	Qc7	27	Qxd4	Rc6	47	Kc3	Kb7	67	Bxh2	
8	Nc3	a6	28	Bd6	Qc8	48	Kb4	Kc6	68		
9	a3	Nge7	29	Rxc6	Bxc6	49	Bc5	Be4	69		
10	Be3	Ng6	30	Qb4	Bb7	50	Bd6	Bf3	70		
11	Bxg6	hxg6	31	Bf8	Qe8	51	Ka5	Kb7	71		
12	h4	Be7	32	Bxg7	Kc8	52	c5	Be4	72		
13	O-O-O	b5	33	Bf8	Qc6	53	Bf8	Bd3	73		
14	Ng5	Nd8	34	b3	Qb7	54	Be7	Be2	74		
15	Rh3	Bxg5	35	Bd6	Qc6	55	h5	gxh5	75		
16	hxg5	Rxh3	36	Qd4	Bag	56	f5	exf5	76		
17	gxh3	Nc6	37	Qa7	Qb7	57	e6	fxe6	77		
18	Bd4	Bb7	38	Qf2	Qd7	58	g6	e5	78		
19	Qh4	O-O-O	39	h4	Qc6	59	Kb4	Bf3	79		
20	f4	Ne7	40	Kb2	Kd8	60	Bf6	Bd5	80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) Xia Peicheng | SIGNATURE (ARBITER)

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B14 | Round 8 | Date 28.06.26 | Board 09

WHITE Ch-ng, Kai Xue Edric | FED | RESULT(W)

BLACK Altansoyombo | FED | RESULT(B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rfe1	Qg7	41		Ra8	61	Kc6	Rb1
2	c4	dxc4	22	Bxf6	Rxf6	42	h7	Rg8	62	B7	Rc1+
3	Nf3	Nf6	23	Qxh7+	Qxh7	43	Kg3	Kg6	63	Kb5	Rb1+
4	e3	e6	24	Bxh7	Bxg2	44	Kg4	Kf6	64	Rb4	Rh1
5	Bxc4	a6	25	Kxg2	Kxh7	45	f4	kg7	65	B8=Q	Rh5
6	Qe2	c5	26	Re7+	Kh6	46	Kg5	B4	66	Kg4	Kg7
7	dxc5	Bxc5	27	Rae1	Rg8+	47	axb4	Kf7	67	Rg4	Kf7
8	0-0	0-0	28	Kf1	Rgf8	48	f5	Kg7	68	Qf4+	Ke6
9	e4	b5	29	R7e6	Kg5	49	f6+	Kf7	69	Rg6+	Ke7
10	Bd3 1.5-1	Nd7	30	Rxf6	Rxf6	50	Kf5	Rd8	70	Qf6+	Ke8
11	E5	F5	31	Re4	Rc6	51	Hor Q	Rxh8	71	Rg8+	Kd7
12	exf6	Nxf6	32	A3	Bc2	52	Rg3	Rf8	72	Rg7+	Ke8
13	Nc3	Nc6	33	B4	Kf5	53	Rg7+	Kf8	73	Qe7#	
14	Ne4	Nd4	34	Re3	Bc7	54	Rg4	Kf7	74		
15	Nd4	Bxf4	35	Kg2	Rg7+	55	Ke5	Rh5-1	75		
16	Bg5	Bb7	36	Rg3	Rc7	56	Kd6	Rh6+	76		
17	Nxf6+	Bxf6	37	H4	R6	57	Kc7	Rxf6	77		
18	Qxc6	Kh8	38	H5	A5	58	B5	Rf5	78		
19	Qh3	Kg8	39	bxa5	Ra6	59	B6	Rc5+	79		
20	Bg6	Qe7	40	Rh3	Rxa5	60	Kd6	Rb5	80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B14 | Round 8 | Date 28/06/26 | Board 09

WHITE Edric Ch'ng | FED MAS | RESULT(W) 1

BLACK Altansoyombo Bayaadorj | FED MGL | RESULT(B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	D4	D5	21	Rfe1	Qg7	41	H6	Ra8	61	Kc6	Rb1
2	C4	dxc4	22	Bxf6	Rxf6	42	H7	Rg8	62	B7	Rc1+
3	Nf3	Nf6	23	Qxh7+	Qxh7	43	Kg3	Kg6	63	Kb5	Rb1+
4	E3	E6	24	Bxh7	Bxg2	44	Kg4	Kf6	64	Rb4	Rh1
5	Bxc4	A6	25	Kxg2	Kxh7	45	F4	kg7	65	B8=Q	Rh5
6	Qe2	C5	26	Re7+	Kh6	46	Kg5	B4	66	Kg4	Kg7
7	dxc5	Bxc5	27	Rae1	Rg8+	47	axb4	Kf7	67	Rg4	Kf7
8	0-0	0-0	28	Kf1	Rgf8	48	F5	Kg7	68	Qf4+	Ke6
9	E4	B5	29	R7e6	Kg5	49	F6+	Kf7	69	Rg6+	Ke7
10	Bd3 1.5-1	Nd7	30	Rxf6	Rxf6	50	Kf5	Rd8	70	Qf6+	Ke8
11	E5	F5	31	Re4	Rc6	51	Hor Q	Rxh8	71	Rg8+	Kd7
12	exf6	Nxf6	32	A3	Bc2	52	Rg3	Rf8	72	Rg7+	Ke8
13	Nc3	Nc6	33	B4	Kf5	53	Rg7+	Kf8	73	Qe7#	
14	Ne4	Nd4	34	Re3	Bc7	54	Rg4	Kf7	74		
15	Nd4	Bxf4	35	Kg2	Rg7+	55	Ke5	Rh5-1	75		
16	Bg5	Bb7	36	Rg3	Rc7	56	Kd6	Rh6+	76		
17	Nxf6+	Bxf6	37	H4	R6	57	Kc7	Rxf6	77		
18	Qxc6	Kh8	38	H5	A5	58	B5	Rf5	78		
19	Qh3	Kg8	39	bxa5	Ra6	59	B6	Rc5+	79		
20	Bg6	Qe7	40	Rh3	Rxa5	60	Kd6	Rb5	80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B14

12:46

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U14 | Round 8 | Board 10 | Date 08/28/2026

WHITE Gabriel Givero | FED PHI | RESULT (W) 1/2

BLACK Li, Yupeng | FED CHN | RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Bc4	Re7	41	Rxa7	Nc4	61		
2	d4	d5	22	Rae1	b5	42	g4	Nd6	62		
3	f3	dxe4	23	Bg3	Nxg3	43	Rf3	Kg7	63		
4	fxe4	e5	24	axb3	Re6	44	g5	Kg6	64		
5	Nf3	Bg4	25	Qh5	Qe7	45	Ra5	Kf5	65		
6	Bc4	Nd7	26	Qxe7	Rxe7	46	h5	Nc5	66		
7	0-0	Nf6	27	g3	Re6	47	Rd5	Kxg5	67		
8	Kh1	Be6	28	Kg2	Ng5	48	Rc5	Kxh5	68		
9	Bg5	0-0	29	Rxe6	Nxe6	49	Rxc4	f6	69		
10	Nbd2	Qc7	30	Ra1	Bc5	50			70		
11	Qe1	Bxf3	31	x3	Bb6	51			71		
12	Nxf3	Rae8	32	b4	c5	52			72		
13	Bd3	h6	33	dxc5	Nxc5	53			73		
14	Bd2	exd4	34	Rd1	Na4	54			74		
15	Nxd4	Nc5	35	Rd2	Ra5	55			75		
16	Qh4	Nxd4	36	Rc2	b4	56			76		
17	Bxh6	gxh6	37	cxb4	Bxb4	57			77		
18	Ne5	Re6	38	a4	Bd6	58			78		
19	Nxh6+	Rxh6	39	Re6	Be5	59			79		
20	Qxh6	Re8	40	Ra6	Nb2	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B14

12:46

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U14 | Round 8 | Board 10 | Date 08/28/2026

WHITE Givero Gabriel | FED PHI | RESULT (W) 1/2

BLACK Li, Yupeng | FED CHN | RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4.	c6	21	Bc4.	Re7.	41	Pg7.	Nc4.	61		
2	d4	d5	22	Rad1	b5.	42	g4!	Nd6	62		
3	f3.	dxe4	23	Bb3	Nb3.	43	kf3.	kg7.	63		
4	fe4.	e5.	24	ab3.	Re6	44	g5.	kg6	64		
5	Nf3.	Bg5.	25	Qh4	Qe7.	45	Ra5.	Kf5.	65		
6	Bc4	Nd7.	26	Qe7.	Re7.	46	h5.	Nc4	66		
7	0-0	Ngf6.	27	g3.	Re6	47	Rd5.	kg5.	67		
8	Kh1.	Bd6	28	kg2.	Ng5.	48	Rc5.	Kh5	68		
9	Bg5.	0-0	29	Re6	Ne6	49	Pc4	f6	69		
10	Nbd2	Qe7.	30	~~Re8~~ Ra8.	Bc5.	50			70		
11	Qe1	Bf3	31	c3.	Bb6	51			71		
12	Nf3.	Rae8	32	b4.	c5.	52			72		
13	Bd3.	h6	33	bc5	Nc5.	53			73		
14	Bd2	ed4.	34	Rd1.	Na4.	54			74		
15	Nd4.	Nc5.	35	Rd2	Ba5.	55			75		
16	Qh4.	Nfe4	36	Rc2	b4.	56			76		
17	Bh6	gh6	37	cb4	Bb4.	57			77		
18	Nf5.	Re6	38	h4.	Bd6	58			78		
19	Nh6	Rh6	39	Rc6	Be5.	59			79		
20	Rh6	Re8	40	Ra6	Nb2	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B14 | Round 8 | Date 8/28 | Board 11

WHITE Wang Yuchi Xuan | FED TPE | RESULT (W) 1/2

BLACK Wu, Xing | FED HKG | RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Rb3	Nxc2	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Rc3	Nd4	42			62		
3	Bc4	Bc5	23	Nxd4	exd4	43			63		
4	d3	h6	24	Rxc7	Nxd3	44			64		
5	Nc3	Nf6	25	Rd1	Nc5	45			65		
6	h3	a6	26	Rxd4	Rc7	46			66		
7	a4	d6	27	Rxc7	bxc7	47			67		
8	Be3	Bxe3	28	Rxd6	Nxe4	48			68		
9	fxe3	Be6	29			49			69		
10	Bxe6	fxe6	30			50			70		
11	0-0	0-0	31			51			71		
12	Qe1	Nh5	32			52			72		
13	Ne2	Qe8	33			53			73		
14	Qh4	Qg6	34			54			74		
15	Qg4	Qxg4	35			55			75		
16	hxg4	Nf6	36			56			76		
17	g5	Ng4	37			57			77		
18	gxh6	gxh6	38			58			78		
19	Rfc1	Nb4	39			59			79		
20	Ra3	Nxe3	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Wang Yuchi Xuan | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U14 | Round 8 | Date 2026.8.28 | Board 11

WHITE Wang, Yu-chi Xuan | FED TPE | RESULT (W) 1/2

BLACK Wu, Xing | FED HKG | RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Rb3	Nxc2	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Rc3	Nd4	42			62		
3	Bc4	Bc5	23	Nxd4	exd4	43			63		
4	d3	h6	24	Rc7	Nxd3	44			64		
5	Nc3	Nf6	25	Rd1	Nc5	45			65		
6	h3	a6	26	Rd4	Rc7	46			66		
7	a4	d6	27	Rf7	kf7	47			67		
8	Be3	Be3	28	Rd6	Nxe4	48			68		
9	fe	Be6	29			49			69		
10	Be6	fe	30			50			70		
11	0-0	0-0	31			51			71		
12	Qe1	Nh5	32			52			72		
13	Ne2	Qe8	33			53			73		
14	Qh4	Qg6	34			54			74		
15	Qg4	Qxg4	35			55			75		
16	hxg4	Nf6	36			56			76		
17	g5	Ng4	37			57			77		
18	gh	gh	38			58			78		
19	Rfc8	Nf6	39			59			79		
20	Ra3	Ne3	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Wang Yuchi Xuan | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

12:34

Group B14 | Round 8 | Date 2026/8/28 | Board 12

WHITE Zhang, Xiaozhe | FED CHN | RESULT (W) 1/2

BLACK Lam, Ethan | FED TPE | RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	exd5	exd4	41	Kf2	Ke5	61	Kf4	Be6
2	Bf4	g6	22	cxd4	Bxd5	42	h4	h6	62	Nb5	Bf7
3	e3	Bg7	23	Re1	Nf6	43	Ra2	Rb6	63	Nd4	Be8
4	Nf3	O-O	24	Nf1	Rxe1	44	Ra8	Be4	64		
5	Be2	d6	25	Qxe1	Qb6	45	Re8+	Kf6	65		
6	Nbd2	Nbd7	26	Qd2	Rd8	46	Rh8	h5	66		
7	h3	c5	27	Rd1	Bb7	47	Ra8	Rd6	67		
8	c3	b6	28	Ne3	Ne4	48	Ra5	Bxd5	68		
9	O-O	Bb7	29	Bxe4	Bxe4	49	Rxb5	Be6	69		
10	Rc1	Rc8	30	Qc3	Bd5	50	Ke2	Rd3	70		
11	Bh2	Re8	31	Qb4	Rd7	51	Rb6	Ke7	71		
12	Bc4	a6	32	Kf1	Qc6	52	Rb7+	Rd7	72		
13	a4	d5	33	f3	Bxf3	53	Rxd7+	Kxd7	73		
14	Bd3	c4	34	Rd2	Be4	54	Nf8	Ke6	74		
15	Bc2	b5	35	Qc3	Qf6+	55	Nf4	Bf7	75		
16	axb5	axb5	36	Kg1	Bd3	56	Ke3	Ke5	76		
17	Ne5	Nxe5	37	d5	Qxc3	57	Nh3	Be8	77		
18	Bxe5	Nd7	38	bxc3	f5	58	Ng5	Bc6	78		
19	Bxg7	Kxg7	39	g3	Kf6	59	Nf7+	Kf6	79		
20	c4	e5	40	Rb2	Rb7	60	Nd6	Bd5	80		

SIGNATURE (WHITE) Zhang | SIGNATURE (BLACK) Ethan Lam | SIGNATURE (ARBITER)

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

12:34

Group B14 | Round 8 | Date 2026.8.28 | Board 12

WHITE Zhang Xiaozhe | FED CHN | RESULT (W) 1/2

BLACK Lam Ethan | FED TPE | RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	ed	ed	41	Kf2	Ke5	61	Kf4	Be6
2	Bf4	g6	22	ed	Bd7	42	h4	h6	62	Nb5	Bf7
3	e3	Bg7	23	Re1	Nf6	43	Ra2	Rb6	63	Nd4	Be8
4	Nf3	O-O	24	Nf1	Re1	44	Ra8	Be4	64		
5	Be2	d6	25	Qe1	Qb6	45	Re8	Kf6	65		
6	Nbd2	Nbd7	26	Qd2	Rd8	46	Rh8	h5	66		
7	h3	c5	27	Rd1	Bb7	47	Ra8	Rd6	67		
8	c3	b6	28	Ne3	Ne4	48	Ra5	Bd5	68		
9	O-O	Bb7	29	Be4	Be4	49	Rb5	Be6	69		
10	Rc1	Rc8	30	Qc3	Bb4	50	Ke2	Rd3	70		
11	Bh2	Re8	31	Qb4	Rd7	51	Rb6	Ke7	71		
12	Bc4	a6	32	Kf1	Qc6	52	Rb7	Rd7	72		
13	a4	c5	33	f3	Bf3	53	Rxd7	Kxd7	73		
14	Bd3	c4	34	Re2	Be4	54	Nf8	Ke6	74		
15	Bc2	b5	35	Qc3	Qf6	55	Nf4	Bf7	75		
16	ab	ab	36	Kg1	Bd3	56	Ke3	Ke5	76		
17	Ne5	Ne5	37	d5	Qc3	57	Nh3	Be8	77		
18	Be5	Nd7	38	bc	f5	58	Ng5	Bc6	78		
19	Bg7	Kg7	39	g3	Kf6	59	Nf7	Kf6	79		
20	c4	e5	40	Rb2	Rb7	60	Nd6	Bd5	80		

SIGNATURE (WHITE) Zhang | SIGNATURE (BLACK) Ethan Lam | SIGNATURE (ARBITER)

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

11:22

Group B14 | Round 8 | Date 2026.2.8 | Board 13

WHITE Wu Zi hao | FED CHN | RESULT (W) 0

BLACK Ivech Batsaikhan | FED MGL | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d6	21	Kf3	Ra7	41			61		
2	Bf4	e6	22	Rd1	Be4	42			62		
3	Nf3	Nf6	23	Kg1	Rad6	43			63		
4	c3	d5	24	d5	♕g6	44			64		
5	e3	Bd6	25			45			65		
6	Bg3	0-0	26			46			66		
7	Nbd2	Bd7	27			47			67		
8	Qc2	Be8	28			48			68		
9	Bd3	Nb7	29			49			69		
10	c4	b6	30			50			70		
11	cd	Nxd5	31			51			71		
12	Bc4	Nb6	32			52			72		
13	Bh4	Bg7	33			53			73		
14	e4	Nc4	34			54			74		
15	Bg3	Qe7	35			55			75		
16	Ne4	f6	36			56			76		
17	Qc4	Bg6	37			57			77		
18	Qe2	Nf4	38			58			78		
19	Qd2	Nxg2	39			59			79		
20	Kxg2	Rf3	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) Ivech | SIGNATURE (ARBITER)

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

11:22

Group B14 | Round 8 | Date 8128 | Board 13

WHITE Ive Wu, Zihao | FED CHN | RESULT (W) 0

BLACK Ivech, Batsaikhan | FED MGL | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	f5	21	Kg2	Ra8	41			61		
2	Bf4	e6	22	Rfd1	Be4	42			62		
3	Nf3	Nf6	23	Kg1	Qe7	43			63		
4	c3	d5	24	d5	Qg6	44			64		
5	e3	Bd7	25			45			65		
6	Bg3	0-0	26			46			66		
7	Nbd2	Bd7	27			47			67		
8	Qc2	Be8	28			48			68		
9	Bd3	Nbd7	29			49			69		
10	c4	b6	30			50			70		
11	cd5	Nxd5	31			51			71		
12	Bg4	Nb6	32			52			72		
13	Bh4	Qe7	33			53			73		
14	e4	Nc4	34			54			74		
15	Qe2	Qe7	35			55			75		
16	Nd4	Nf4	36			56			76		
17	Bxf4	Bg6	37			57			77		
18	Qe2	Nf4	38			58			78		
19	Qd2	Nxg2	39			59			79		
20	Kxg2	Rf3	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) Ivech | SIGNATURE (ARBITER)

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

10:43

Group B14 | Round 8 | Date 2026/6/28 | Board 14

WHITE Wang, zeyu (32) | FED CHN | RESULT (W) 0
BLACK pyjing | FED TPE | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	12fc1	Rxc8	41			61		
2	c3	d5	22	Ne5	Ne4	42			62		
3	exd5	qxd5	23	Qe1	Q95	43			63		
4	d4	Nf6	24	Nc4	Nd2	44			64		
5	Nf3	e6	25	93	Qd5	45			65		
6	Na3	a6	26			46			66		
7	Bc4	Qd8	27			47			67		
8	0-0	b5	28			48			68		
9	Be2	Nbd7	29			49			69		
10	Bg5	Be7	30			50			70		
11	Nc2	0-0	31			51			71		
12	94	b4	32			52			72		
13	Cxb4	Cxb4	33			53			73		
14	b3	Nd5	34			54			74		
15	Bxe7	Qxe7	35			55			75		
16	Ne3	Nc3	36			56			76		
17	Qd2	B67	37			57			77		
18	Nd1	Rac8	38			58			78		
19	Nxc3	Rxc3	39			59			79		
20	12b1	Nf6	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) wang zeyu | SIGNATURE (BLACK) pyjing | SIGNATURE (ARBITER)

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

10:43

Group B14 | Round 8 | Date 2026年6月28日 | Board 14

WHITE wangzeyu | FED | RESULT (W) 0
BLACK Pyjing | FED | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rfc1	10 R fc8	41			61		
2	c3	d5	22	Ne5	Ne4	42			62		
3	ed	Qxd5	23	Qe1	Nc4	43			63		
4	d4	Nf6	24	93	Qd5	44			64		
5	Nf3	e6	25			45			65		
6	Na3	a6	26			46			66		
7	Bc4	Qd8	27			47			67		
8	0-0	b5	28			48			68		
9	Be2	Nbd7	29			49			69		
10	b96	Be7	30			50			70		
11	Nc2	0-0	31			51			71		
12	a4	b4	32			52			72		
13	c5	c6	33			53			73		
14	b3	Nd5	34			54			74		
15	bxe7	Qxe7	35			55			75		
16	Ne3	Nc3	36			56			76		
17	Qd2	b5 7	37			57			77		
18	Nd1	Rac8	38			58			78		
19	Nxc3	Rxc3	39			59			79		
20	Rb1	Nf6	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) wangzeyu | SIGNATURE (BLACK) pyjing | SIGNATURE (ARBITER)

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

12:22

Group B14 | Round 8 | Date 28/09/2026 | Board 15

WHITE Hu Jin Peng | FED HKG | RESULT(W) 0

BLACK Ryu Lieyanto | FED INA | RESULT(B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d5	21	Bxg5	Rxg5	41	Kd4	Rd5	61		
2	exd5	Nf6	22	Rad1	Rgd5	42	Kc4	Rd8	62		
3	d4	Nxd5	23	f4	g5	43	Rxa5	f5	63		
4	Nf3	Bg4	24	fxg5	e5	44	Kb3	f4	64		
5	c4	Nb6	25	Kf2	exd4	45	Ra4	h5	65		
6	c5	Nbd7	26	h4	d3	46	Rxf4	kxf4	66		
7	Be3	e6	27	kg3	kg7	47	Kxb2	Ke3	67		
8	Be2	Be7	28	Kf3	Rd4	48	Kc3	Rd4	68		
9	h3	Bh5	29	Re3	Rxh4	49	Kc2	Rc4	69		
10	O-O	O-O	30	Rxd3	Rxd3	50	Kb3	Kd3	70		
11	Nc3	Nc6	31	Rxd3	Rxb4	51	Kb2	Rb4	71		
12	a3	a6	32			52	Ka2	Kc2	72		
13	b4	Nf6	33	Rd2	c6	53	Ka1	Ra4#	73		
14	Ne5	Bxe2	34	Kf3	a5	54	0-1		74		
15	Nxc6	Bxd1	35	g4	kg6	55			75		
16	Nxd8	Rfxd8	36	Rc7	Rxa4	56			76		
17	Rfxd1	Nd5	37	Rxb7	Rc4	57			77		
18	Nxd5	Rxd5	38	Rb6	Rxc5	58			78		
19	a4	Rad8	39	Ra6	Kxg5	59			79		
20	Rd2	Bg5	40	Kc4	Kxg4	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B14

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

12:22

Group WH | Round 8 | Date 8/28 | Board 15

WHITE Hu Jin Peng | FED IHG | RESULT(W) 0

BLACK Lieyanto Ryu Marsan | FED INA | RESULT(B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d5	21	Bg5	Rg5	41	Kc4	Rd8	61		
2	ed	Nf6	22	Rad1	Rgd5	42	Ra5	f5	62		
3	d4	Nd5	23	f4	g5	43	Kb3	f4	63		
4	Nf3	Bg4	24	fg 10	e5	44	Rc4	h5	64		
5	c4	Nb6	25	Kf2	ed	45	Rf4	Kf4	65		
6	c5	Nd7	26	h4	d3	46	Kb2	Ke3	66		
7	Be3	e6	27	kg3	Kg7	47	Kc3	Rd4	67		
8	Be2	Be7	28	Kf3	Rd4	48	Kc2	Rc4	68		
9	h3	Bh5	29	Ke3 5	Rh4	49	Kb3	Kd3	69		
10	0-0	0-0	30	Rd3	Rd3	50	Kb2	Rb4	70		
11	Nc3	Nc6	31	Rd3	Rb4	51	Ka2	Kc2	71		
12	a3	a6	32	Rd7	c6	52	Ka1	Ra4	72		
13	b4	Nf6	33	Kf3	a5	53			73		
14	Ne5	Be2	34	g4	Kg6	54			74		
15	Nc6	Bd1	35	Rc7	Ra4	55			75		
16	Nd8	Rfd8	36	Rb7	Rc4	56			76		
17	Rfd1	Nd5	37	Rb6	Rc5	57			77		
18	Nd5	Rd5	38	Ra6	Kg5	58			78		
19	a4	Rad8	39	Ke4	Kg4	59			79		
20	Rd2	Bg5	40	Kd4	Rd5	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B14 | Round 8 | Date 28 aug 04 | Board 16

WHITE Siu Tsz Hin Zachary | FED HKG | RESULT (W) 0

BLACK Limjoco Decasa Basilio | FED PHI | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e6	21	f4	f6	41	Kh4	g5	61		
2	g3	d5	22	fxe5	fxe5	42	Kh5	Rxh3+	62		
3	Bg2	Nf6	23	Qg5	Nf7	43	Qh4	Rxh4##	63		
4	Nf3	Be7	24	Qh5	Qe7	44			64		
5	0-0	0-0	25	Bd5	Be6	45			65		
6	b3	c5	26	Bxe6	Qxe6	46			66		
7	Bb2	d4	27	Nxd4	Qb6	47			67		
8	e3	Nc6	28	Rf1	Re7	48			68		
9	exd4	cxd4	29	Ba3	Qxd4+	49			69		
10	d3	a5	30	Kh1	Qxd3	50			70		
11	Na3	Bc5	31	Kg2	Rd7	51			71		
12	Re8	Re8	32	Bc5	Qe2	52			72		
13	Ne5	Nxe5	33	Rf2	Qe4	53			73		
14	Rxe5	Qf6	34	Kh2	Re8	54			74		
15	Rxe5	Qxe5	35	Bb5	Rc8	55			75		
16	Nc2	e5	36	Be3	Qxe3	56			76		
17	Qd2	Ng4	37	Qf5	Rd6	57			77		
18	h3	Nh6	38	Qf3	Qxf2	58			78		
19	Re1	Nf5	39	Qxf2	Rd2	59			79		
20	g4	Nd6	40	Kg3	R7d3	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

10:49

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B14 | Round 8 | Date 28-8-2026 | Board 16

WHITE Siu Tsz Hin Zachary | FED HKG | RESULT (W) 0

BLACK Decasa Basilio Lionel | FED PHI | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4(1:30)	e6(1:30)	21	f4(1:29)	f6(59)	41	Kh4(1:34)	g5+(36)	61		
2	g3(1:31)	d5(1:30)	22	fxe5(1:28)	fxe5(54)	42	Kh3(1:14)	Rxh3+(46)	62		
3	Bg2(1:31)	Nf6(1:31)	23	Qg5(1:25)	Nf7(53)	43	Qh4(1:14)	Rxh4##(46)	63		
4	Nf3(1:32)	Be7(1:31)	24	Qh5(1:22)	Qe7(49)	44			64		
5	0-0(1:32)	0-0(1:31)	25	Bd5(1:20)	Be6(48)	45			65		
6	b3(1:32)	c5(1:31)	26	Bxe6(1:20)	Qxe6(48)	46			66		
7	Bb2(1:32)	d4(1:31)	27	Nxd4(1:19)	Qb6(49)	47			67		
8	e3(1:32)	Nc6(1:31)	28	Rf1(1:17)	Re7(44)	48			68		
9	exd4(1:32)	cxd4(1:31)	29	Bc3(1:18)	Qxd4+(49)	49			69		
10	d3(1:33)	a5(1:30)	30	Kh1(1:18)	Qxd3(43)	50			70		
11	Na3(1:31)	Bc5(1:25)	31	Kg2(1:17)	Rd7(43)	51			71		
12	Re1(1:31)	Re8(1:28)	32	Bc5(1:15)	Qe2+(43)	52			72		
13	Ne5(1:31)	Nxe5(1:20)	33	Rf2(1:15)	Qe4+(43)	53			73		
14	Rxe5(1:32)	Qf6(1:20)	34	Kh2(1:15)	Re8(41)	54			74		
15	Rxe5(1:31)	Qxe5(1:21)	35	Bb6(1:15)	Rc6(40)	55			75		
16	Nc2(1:32)	e5(1:16)	36	Be3(1:13)	Qxe3(39)	56			76		
17	Qd2(1:30)	Ng4(59)	37	Qf5(1:13)	Rd6(39)	57			77		
18	h3(1:30)	Nh6(59)	38	Qf3(1:11)	Qxf2+(39)	58			78		
19	Re1(1:29)	Nf5(56)	39	Qxf2(1:11)	Rd2(39)	59			79		
20	g4(1:29)	Nd6(51)	40	Kg3(1:13)	R7d3(39)	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

9:37

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B14
Round 8
Date 8/28
Board 17

WHITE Chen, Yi-Hsiang Gabriel — FED TPE — RESULT (W) 1/2
BLACK Khangai, Bayarjargal — FED MGL — RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Kxd2	b5	41	Rg4	Kc5	61		
2	Nf3	e6	22	Nd6	Kd8	42	h6	Kb5	62		
3	c3	Nc6	23	Rhe1	bxc4	43	h7	Kc5	63		
4	d4	cxd4	24	Re8	Kc7	44	h8=Q	Kb5	64		
5	cxd4	Nf6	25	Rxc8	Rxc8	45	Qe5	Kc6	65		
6	d5	exd5	26	Nxc8	Kxc8	46	Rg6	Kd7	66		
7	exd5	Qa5	27	Kc3	Kc7	47	Qf6	Ke8	67		
8	Nc3	Ne7	28	Kxc4	Kc6	48	Rg7		68		
9	d6	Nd5	29	Re1	h6	49			69		
10	Qe2	Kd8	30	b4	g5	50			70		
11	Nxd5	Be7	31	f4	gf	51			71		
12	Nxf4	Ke8	32	Rf1	h5	52			72		
13	Nxh5	Qb6	33	Rxf4	d6	53			73		
14	Nxd5	Nxd5	34	g4	hg	54			74		
15	Qh5	g6	35	Rxg4	d5	55			75		
16	Qxd5	Qd6	36	Kb3	d4	56			76		
17	Qxd6	Bxd6	37	Rxd4	a5	57			77		
18	Bc4	a6	38	h4	axb4	58			78		
19	Nf4	Bf4	39	h5	Kd5	59			79		
20	Bd2	Bxd2	40	Rxf4	Kd6	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

9:37

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B14
Round 8
Date 2026.8.28
Board 17

WHITE Chen Yi Hsiang Gabriel — FED TPE — RESULT (W) 1/2
BLACK Khangai Bayarjargal — FED MGL — RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Kxd2	b5	41	Rg4	Kc5	61		
2	Nf3	e6	22	Nd6	Kd8	42	h6	Kb5	62		
3	c3	Nc6	23	Re4	c4	43	h7	Kc5	63		
4	d4	cxd4	24	Re8	Kc7	44	h8=Q	Kb5	64		
5	cxd4	Nf6	25	Rc8	Rc8	45	Qe5	Kc6	65		
6	d5	exd5	26	Nc8	Kc8	46	Rg6	Kd7	66		
7	exd5	Qa5	27	Ne3	Kc7	47	Qf6	Ke8	67		
8	Nc3	Ne7	28	Kc4	Kc6	48	Rg7		68		
9	d6	Ne5	29	Re7	h6	49			69		
10	Qe2	Kd8	30	b4	g5	50			70		
11	Nxe5	Be7	31	f4	f4	51			71		
12	Nf7	Ke8	32	Rf7	h5	52			72		
13	Nh8	Qb6	33	Rf4	g6	53			73		
14	Nd5	Nd5	34	g4	hg	54			74		
15	Qh5	g6	35	Rxg4	d5	55			75		
16	Qe5	Qd6	36	Kb3	d4	56			76		
17	Qd6	Bd6	37	Rxd4	a5	57			77		
18	Rc1	a6	38	h4	b4	58			78		
19	Nf7	Bb4	39	h5	Kg5	59			79		
20	Bd2	Bb4	40	Re4	Kd6	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

11:43

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛（海南昌江）

Group: B14 | Round: 8 | Date: 2026.8.28 | Board: 18

WHITE	Sung, Sen Hin	FED		RESULT (W)	0
BLACK	Wang Yanxiang	FED		RESULT (B)	1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 (1'30)	e6 (1'39)	21	a6 (54)	Bb4 (53)	41	Ke2 (49)	Qc2 (47)	61		
2	d4 (1'29)	d5 (1'30)	22	c6 (54)	Qc1 (52)	42	Ke1 (47)	Rd1 (44)	62		
3	Nc3 (1'27)	Nf6 (1'31)	23	Nc3 (52)	Qa3 (51)	43			63		
4	e5 (1'35)	Nfd7 (1'30)	24	Rf3 (51)	Qb4 (50)	44			64		
5	f4 (1'21)	c5 (1'32)	25	Rh3 (50)	[illegible] (2[illegible])	45			65		
6	Nf3 (1'18)	Nc6 (1'27)	26	g4 (50)	Nc5 (49)	46			66		
7	Be3 (1'12)	[illegible]	27	Nd5 (48)	ed (44)	47			67		
8	Na4 (1'11)	[illegible]	28	Bc5 (47)	bc (46)	48			68		
9	c3 (1'11)	cd (1'12)	29	[illegible] (47)	Qd4 (49)	49			69		
10	b4 (1'12)	Qc7 (1'01)	30	Qd4 (48)	cd (43)	50			70		
11	Nd4 (1'09)	ab (1'07)	31	Kf2 (48)	R[illegible] (50)	51			71		
12	Nb2 (1'04)	Nd4 (1'05)	32	Rd3 (48)	Ra2 (47)	52			72		
13	Bd4 (1'03)	a5 (1'04)	33	Kf3 (49)	Rc3 (50)	53			73		
14	a3 (1'00)	bb (1'00)	34	Rc3 (49)	dc (47)	54			74		
15	Bd3 (59)	Bab (59)	35	Ke3 (49)	Rc2 (47)	55			75		
16	Bab (58)	Rab (58)	36	h3 (49)	Rd8 (47)	56			76		
17	0-0 (58)	Be7 (57)	37	h4 (48)	c2 (47)	57			77		
18	Qd3 (54)	Rag (55)	38	Ke4 (48)	c1=Q (47)	58			78		
19	Rac1 (53)	0-0 (49)	39	f5 (49)	Qc4 (48)	59			79		
20	Nd1 (53)	ab (48)	40	Ke3 (49)	Rd3 (47)	60			80		

SIGNATURE (WHITE): Tom | SIGNATURE (BLACK): Wang Yanxiang | SIGNATURE (ARBITER):

11:43

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛（海南昌江）

Group: B14 | Round: 8/9 | Date: 8/28 | Board: 18

WHITE	Sung, Sen Hin	FED	HKG	RESULT (W)	0
BLACK	Wang, Yanxiang	FED	CHN	RESULT (B)	1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	a6	Bb4	41	Ke2	Qc2	61		
2	d4	d5	22	c6	Qc1	42	Ke1	Rd1	62		
3	Nc3	Nf6	23	~~Nc3~~ Nd5	Qa3	43			63		
4	e5	Nd7	24	Rf3	Qb4	44			64		
5	f4	c5	25	Rh3	g6	45			65		
6	Nf3	Nc6	26	g4	Nc5	46			66		
7	Be3	Qb6	27	Nd5	ed	47			67		
8	Na4	Qa5	28	Bc5	bc	48			68		
9	c3	cd	29	Qd5	Qd4	49			69		
10	b4	Qc7	30	Qd4	cd	50			70		
11	Nd4	ab	31	Kf2	Rfc8	51			71		
12	Nb2	Nd4	32	Rd3	Ra2	52			72		
13	Bd4	a5	33	Kf3	Rc3	53			73		
14	a3	bb	34	Rc3	dc	54			74		
15	Bd3	Bab	35	Ke3	Rc2	55			75		
16	Bab	Bab	36	h3	Rd8	56			76		
17	0-0	Be7	37	h4	c2	57			77		
18	Qd3	Ra8	38	Ke4	c1=Q	58			78		
19	Rac1	0-0	39	f5	Qc4	59			79		
20	Nd1	ab	40	Ke3	Rd3	60			80		

SIGNATURE (WHITE): Tom | SIGNATURE (BLACK): Wang Yanxiang | SIGNATURE (ARBITER):